

新集

**Giá 1\$20**

Việt-nam Dân-chủ Cộng-hòa năm thứ nhất

Ngộ cuộc kháng chiến anh dũng của đồng bào Nam Bộ



# SO SÁNH TÌNH-HÌNH QUỐC-TẾ CỦA NƯỚC TA VÀ NƯỚC PHÁP 1847 - 1945

NGUYỄN THỊSOU LÃO

Người Pháp khởi đầu cuộc xâm lăng nước ta năm 1847, trước khi vua Thiệu-trị băng hà. Rồi họ thắng mãi, chiếm dần cả nước ta, lập đô-hộ cho đến ngày 9 tháng 3 năm nay, ngày mà họ bị người Nhật lật đổ. Chính phủ ta đã tuyên bố Độc-lập ngay trong khi người Nhật chưa bị thất bại. Hoàn cầu lại càng biết rõ chí Độc-lập của ta sau khi ta thoát Việt-nam dân chủ công-hòa.

Ấy thế mà người Pháp còn mưu cuộc xâm-lăng mà bắt đầu lại ở Nam-bộ.

1847, 1945 : một thế-kỷ đã qua. Vẫn một kẻ thù đó ! Vẫn một mối nguy nan tai hại cho giống nòi, cho văn-hóa : Ấy là sự đô-hộ, sự nô-lệ !

Ta đã biết qua về vấn-đề Duy-tân và Bảo-vệ nước ta về cuối đời vua Tự-đức (xem Trí-Tân số 209).

Bây giờ, vấn-đề đó lại đặt ra, nhưng tình hình quốc-tế của nước ta và nước Pháp có giống như một thế-kỷ trước không ?

\*\*\*

1847, người Pháp khởi đầu xâm lăng nước ta. Đó là do lòng ham muốn thổ sản của các nước ở nhiệt đới. Sau năm 1870, sau khi

họ bị người Đức đánh bại và phải nhượng miền Alsace-Lorraine thời họ cố ý chiếm đất đai của ta và khước-trưng nguyên-liệu nước ta để bành trướng kỹ-nghệ của họ.

Cùng đi đối với họ là người Anh, muốn xâm chiếm Ấn-điện.

Chính sách thực-dân ở Nam-dương quần đảo đã do người Hòa-lan thi-hành từ vài thế-kỷ trước.

Người Pháp đã đi theo một phong-trào do các đế-quốc Âu-châu khởi xướng : phong-trào thực dân !

Nước Đức không hưởng ứng phong-trào đó vì chỉ lo tổ-chức kinh-tế và binh bị trong nước mà thôi.

Nước Nga hồi đó hãy còn ở trong vòng đen tối của nền quân-chủ độc-tài, và chưa phải là một đại cường quốc về kinh-tế và binh-bị.

Nước Mỹ cũng chưa có ảnh hưởng gì quan trọng trên quốc-tế và thứ nhất là ở Á-đông.

Nước Trung-hoa thời bắt đầu lâm vào họa « qua phân », làm một mối lo cho các đế-quốc xâm lăng.

Còn nước ta thời ngoài nước Trung-hoa không có một nước nào đề ý tới ! Trung hoa có giúp

ta chống giữ độc-lập nhưng sau này chính Trung-hoa cũng không tự giữ nổi mình kia mà !

Ôc kháng chiến của ta đã rất mạnh ! Riêng Đại-tướng Nguyễn-tri Phương cũng đã đủ đề biếu 1 ôc kháng-chiến ấy !

Nhưng ta đã thua vì tình hình quốc-tế bất lợi cho ta và hoàn-toàn lợi cho Pháp !

\*\*\*

1945 !

Tình hình quốc-tế thay đổi hẳn  
Các nước bị áp bức ở phía  
Nam Á châu đều nổi dậy !

Nam dương quần-đảo !

Ấn-điện !

Mã-lai !

Phi-luật-tân

Cao-man

Ái-lao và

Việt-Nam !

Cả một phần lớn thế giới bị áp bức nổi dậy chống nạn thực dân !  
Sự kháng cự của ta thuộc vào một phong trào độc-lập.

Các cường-quốc lại ăng-hệ phong-trào đó ! Hiến-chương Đại-tây-dương do đồng-minh thảo ra đã nói rõ ! Mỹ, Nga và Trung-hoa đều đã lên tiếng về nước Việt-nam ta !

(Xem tiếp trang 17)



Toàn dân Việt-nam hãy cùng nhau hô:

# Kháng chiến

Kiến-Xương



AU hơn 80 năm ở chế trong vòng nô lệ, bây giờ chúng ta mới lại được kháng chiến! Phải rồi là được kháng chiến vì đây là một vinh dự, may mắn sung sướng như người ở trong hang tối bỗng được nhìn thấy ánh sáng mặt trời.

Những bạn sĩ phu đã bị hồng thối, những bạn làm ruộng đã bị nước lụt ngập lúa, những bạn làm thợ, thợ tay đánh hồng một vật mìn đang sửa chữa, những bạn buôn bán vì tính sai một nước nên hồng tờ đỏ! các bạn đã nghĩ gì ngay sau khi thất bại.

Được làm lại! được thi lại, cấy lại, chữa lại, hay buôn lại, trăm nghìn như một, không ai không mong được làm lại cái việc đã chót hồng mất rồi.

Thì đây, cái việc « kháng chiến » thất bại của ta từ 80 năm nay, để đến nỗi nước mất nhà tan ngày nay chúng ta được làm lại.

Phải là một sự vinh hạnh, may mắn, lịch sử, 100, 1000 mới có một mà cái thế hệ chúng ta cũng tốt phúc, hữu duyên, mới được gặp để đem thi thố cái tài, cái trí, cái hy sinh, cảm tử cá: hoài bão âm mưu tha thiết mà kiếp người đã ôm nặng trong lòng từ khi được nhìn thấy ánh sáng của nhân gian.

Bánh xe lịch sử đã quay, thì không có hề trở lại, nhưng riêng ở xứ ta, riêng về việc kháng chiến, lịch sử thực như đã quá nhân phương đã quá đa tình, nên ném lại giấy lát, để cho chúng ta được làm lại cái việc mà trước kia chúng ta đã không được làm với hết cả lực lượng, với tất cả khả năng.

Thế hệ chúng ta thực là « tối bậc khước » của thời gian, không phải đợi thức giấc, không phải đợi mời mọc, chúng ta hãy nhẩy lên, xông ra nắm lấy cái cơ hội, nắm lấy cái hạnh ngộ mà có

đây kiếp ta mới được gặp Kháng chiến, đối với chúng ta phải là một hạnh phúc một sự vui mừng, sung sướng, vỡ ra, bùng lên như ngọn lửa được reo, đồng thác được rơi, cơn lốc được cuốn, ánh sáng được soi rọi, tung bừng rực rỡ khắp không gian.

Kháng chiến phải là tất cả sự sống của dân tộc ta cái sức sống bền bỉ, dai dẳng nhẫn nại, kêu gọi, hun đúc trong lò lịch sử hơn 4000 năm, bây giờ được kết tinh, lại, đúc khuôn lại, rèn thẳng ra, để ném mạnh vào trường chiến đấu.

Kháng chiến, phải là tất cả nỗi đau đớn, nỗi hãi hùng thiết tha mơ mộng, của cả một dân tộc 80 năm trường bị dầy sỏ, kìm kẹp dưới gót sắt của bọn thực dân phát sát.

Kháng chiến phải là tiếng nói mở đầu của tất cả các câu chuyện, phải là một khẩu hiệu của khắp toàn quốc, phải là một ý tâm niệm, bất cứ đêm ngày, ngồ, đứng, của khắp các tầng lớp dân chúng không phân biệt, già trẻ, giàu nghèo, trai gái, từ đứa bé con ẵm ngửa cho đến ông già sắp hấp hối.

Trước khi được ra ngoài một trận dờ vắn mình, sông thẳng, bơi lội vào trong vòng chiến đấu, chúng ta khắp toàn quốc, lúc nào cũng phải háo hức, mong đợi, nóng nảy, chân thành, coi kháng chiến như hạnh phúc, như thiên đường như Nát ban.

Sống chết có nghĩa lý gì đâu? Cái sống mà lệ thực nặng quá đáng, mà cái chết chiến đấu nhẹ quá lòng hờn. Cái rõ kháng chiến, kháng chiến mới là đạo sống, là lẽ chết mà chúng ta phải rướn mình đón lấy.

Kháng chiến là tất cả đồng bào hãy ngay người nhìn cho thấy cả một phương trời lửa chiến đấu đang bùng bùng sáng rực, phía sau Nam Bộ dưới lớp sương mù trước mắt đang bùng bùng giữa trời chúng ta hãy khép chặt hàng ngũ, để sắp xếp hàng nhau nối gót tiến lên.



# Cuộc hội đàm giữa Hồ chủ tịch với các nhà báo Hoa Mỹ Việt Pháp

NGUYỄN-TƯỜNG-PHONG

Hồi 9 giờ sáng thứ bảy 24-10-1945 Cụ Hồ chí-Minh, chủ tịch chính phủ Dân Chủ Cộng Hòa Việt nam đã tiếp các ký giả báo giới ngoại quốc và Việt nam.

Trong số ấy, chúng tôi nhận thấy có các đại biểu báo Trung Hoa ở Trùng Khánh, Vân Nam, Hà rộ, ký giả tổng thông tấn xã, Đại biểu báo Mỹ United Press Hoyl Palmer, đại biểu hãng Agence France Press cũng đến họp và hầu hết đại biểu báo hàng ngày và hàng tuần ở Bắc bộ.

Đề khai mạc cuộc hội đàm có tính cách quốc tế, Hồ chủ tịch bằng một giọng vui vẻ nói:

— Hôm nay tôi được tiếp ký giả báo giới quốc tế thật là một cuộc hội họp mà tôi lấy làm hân hạnh vì sự gặp gỡ của chúng ta đúng như câu « từ hải nhất gia ». Tuy rằng trong này có bạn đồng nghiệp mà ở ngoài ta cho là cựu địch nhưng ông. ấy là bạn thân của tôi, tôi cũng xin các ký giả ở đây coi như là bạn. — Thời giờ rất ít có lẽ câu truyện hai phần ta chỉ nói được, một, các ngài cần hỏi điều gì xin tôi vấn đáp, tôi xin vui lòng trả lời.

Sau một phút im lặng, cuộc phỏng vấn Chủ tịch bắt đầu.

Các đồng nghiệp ngoại quốc đang lắng nghe anh. Ông Lê

tùng Sơn dịch ra tiếng Trung Hoa bạn Trịnh hồ Uy ở Việt nam thời báo dịch ra tiếng Anh và trong lúc nói truyện Hồ chủ tịch đã dùng cả hai thứ tiếng để nói thêm tuy nhiên trong khi giải nhời ngài đều dùng tiếng Việt cả.

Một bạn đồng nghiệp Trung Hoa khởi lên trước về vấn đề Hiến pháp.

Hỏi — Xin ngài cho biết về hiến pháp của nước Việt nam ?

Đáp — Hiến pháp Việt nam đã thảo rồi, vài hôm nữa sẽ công bố, công bố cho nhân dân tỏ bày ý kiến và chờ khi có đại hội nghị toàn quốc họp vào tháng chạp sẽ duyệt và thi hành.

Hỏi — Bao giờ đại hội nghị toàn quốc sẽ họp ?

Đáp — Vào độ 23 tháng chạp này.

Hỏi — Chính phủ đã nhất định ngày họp quốc hội chưa ?

Đáp — Chỉ chờ có truyện gì xảy ra mới phải hoãn.

Hỏi — Cách cử đại biểu như thế nào ?

Đáp — Cứ 6 vạn dân có một đại biểu, còn quyền hạn thì trái gài như nhau, cứ 18 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử bầu cử.

Hỏi — Người ngoại quốc sinh ở nước Việt-nam có được quyền lợi gì không ?

Đáp — Nếu những người ấy có vào quốc tịch Việt nam thì cũng được như người Việt nam.

Một bạn đồng nghiệp Trung Hoa khác hỏi về vấn đề tiền lương dân.

Hỏi — Ai lao và Cao-mên có can hệ với nước Việt-nam thế nào ?

Đáp — Mên, Lào đều là thiểu số dân tộc, nhưng nước Việt-nam bao giờ cũng tôn trọng chủ quyền và theo nghĩa dân tộc tự quyết của hai nước ấy.

Nếu sau này có tổ chức một liên-bang về chính trị cũng như văn hóa, kinh tế, nước Việt-nam sẽ cùng phụ trách và giúp đỡ.

Hỏi — Chính quyền ở Ai-lao hiện nay ở tay ai ?

Đáp — Chính quyền hiện ở tay một số người thân Pháp song ở Lào đã lập thành một Chính phủ dân chủ lâm thời và đang vận động đánh lấy quyền độc-lập theo như nước Việt-nam.

Hỏi — Hiện giờ, lực lượng của người Pháp ở Lào không có người Pháp đã lấy lực-lượng nào để đàn-áp dân Ai-lao ?

Đáp — Lực lượng của Pháp không có, nhưng đối phương nhỏ nên họ mới áp bức được.



Hỏi — Cuộc kháng chiến ở Nam bộ có người Cao môn tham gia không ?

Đáp — Không.

Một ký giả Trung Hoa hỏi về vấn đề Tài-chính Việt-nam.

Hồ chủ tịch đáp :

Chính phủ tất nhiên phải có kế hoạch về Tài-chính như nhời Khổng tử đã nói : có người thì có đất, có đất thì có cửa, có cửa thì có việc dùng. Cái kế hoạch Tài chính của Chính phủ Việt-nam là phát triển các ngành : nông, công, thương, nghiệp, nhưng muốn làm thực-hiện còn phải tranh đấu khó khăn.

Đáp câu hỏi của một ký giả về đảng phái, Hồ chủ tịch nói :

— Khi chưa nắm được chính quyền, mặt trận Việt Minh gồm có các đoàn thể cứu quốc.

Trước ngày bốn chính có họp một kỳ hội nghị dân tộc giải phóng

Rồi sau khi nắm được chính quyền, thì chính quyền ấy ở trong tay Chính phủ lâm thời của toàn dân không phân đảng phái mà là liên hiệp cả cho nên có 7, 8 đảng bộ-rường không ở đảng phái nào.

Bởi — Tương lai chính thức của Chính phủ thế nào ?

Đ. — Sau khi ban bố Hối ơ Pháp tức là Chính phủ chính thức thành lập.

H. — Có phải làm thơ, chính phủ dự định phá, người liên lạc với liên hiệp quốc Trung Án Mỹ không ?

Đ. — Chính phủ V. N. bao giờ cũng nỗ lực thân mật với các nước bạn, cửa ngoại giao chưa mở rộng thì Chính phủ tìm đường mở thông với Trung quốc rồi đến các nước bạn.

Lại một ký giả nêu lên câu hỏi :

— Chủ tịch là người cầm đầu cuộc Nhân Dân Cách Mệnh Việt Nam. Vậy về vấn đề chủ quan và khách quan thế nào ?

Đáp — về chủ quan một là dân tộc đoàn kết, các ngài đã thấy tôn giáo đoàn kết, các tầng lớp xã hội đoàn kết mà cả đến thềm sở dân tộc cũng vậy — Hai là dân tộc quyết tâm, quyết tâm vì chính nghĩa mà phấn đấu.

Về khách quan, thế giới biến tranh vừa rồi, các nước đồng minh vì trống phát xít giải phóng các dân tộc, nước chúng tôi có một nước bạn đã mấy nghĩa nhân sẽ giúp chúng tôi về tình thân trong việc vận động độc lập.

Các nước chuộng hòa bình ngoài mặt thế nào mặc lòng nhưng trong vẫn tận đồng với nước chúng tôi. Ngay trong việc trống quân Pháp xâm lăng nhân dân Pháp cũng biểu đồng tình với chúng tôi.

Một bạn đồng nghiệp gở lại câu truyện đảng phái bởi.

— Cuộc đàm phán giữa hai đảng trong nước đã theo hiệp ?

Đ. — Cuộc đàm phán không có gì bí mật nhưng rất giản dị

Bạn đồng nghiệp Pháp lên vào một câu hỏi.

— Việt nam với Pháp có thể nói truyện được không ?

Chủ tịch cười đáp :

Có thể lắm ! nhưng Chính phủ Pháp phải cử đại biểu có toàn quyền và đến đây một cách hòa bình không đem súng đạn hoặc gửi thư công khai chúng tôi có thể gửi đại biểu qua Pháp để nói truyện.

Một đại biểu hỏi.

— Phòng thủ các nước Đông minh lại giao Việt nam lại cho Pháp, tại sao ?

Đ. — Tôi không thể tin có sự như thế vì có lá Họa Chương Đại tá dương và hiệp ước Cựu kim sơn hòa vì phòng có nhưng chỉ là một giả thuyết thời dân tộc chúng tôi sẽ đi vào chỗ chết để tìm lấy một con đường sống.

Một vài bạn đồng nghiệp Việt nam hỏi về việc nội trị Hồ chủ tịch đều trả lời một cách trầm ngâm và rõ ràng.

Cuộc nói truyện đã kéo gần trong ngôi hai tiếng đồng hồ chúng tôi ra về mang theo một cái cảm tưởng rất lạc quan về vị Lãnh tụ đã làm vẻ vang cho dân tộc Việt nam trong một buổi giao thiệp với ký giả báo chí ngoại quốc.

N. T. P.



# HIẾN PHÁP NGŨ QUYỀN

## CỦA TÔN TRUNG SƠN

TRÚC-KHÊ

Từ khi chính trị của các nước đặt ra một cái kế ước để chia định quyền hạn của các cơ quan mà gọi là hiến-pháp tới nay, người ta chỉ nghe thấy những cái hiến-pháp tam quyền, hiến pháp nhị quyền, chứ chưa từng nghe thấy hiến pháp nhị quyền bao giờ. Hiến pháp tam quyền thì như là hiến pháp nước Mỹ tam quyền là lập pháp, hành chính - pháp, hiến pháp nhị quyền thì như là hiến pháp nước Pháp, nhị quyền là lập pháp, hành pháp (kiêm hành chính, tư pháp). Các nhà chính trị soi di sánh lại, đều nhận rằng hiến pháp nước Mỹ là tốt hơn hết cả; ngay như nước Anh là nước phát sinh ra hiến pháp mà nhà chính trị Anh cũng phải nói là từ khi có thể giới, duy có hiến pháp tam quyền của nước Mỹ là tốt nhất không nước nào bằng. Hiến pháp sản sinh ra, đầu ở nước Anh. Nước Anh từ sau cuộc đại cách-mệnh đem quyền của vua dần dần chia ra thành một cái thói quen về chính trị, giống như kêu tam quyền phân lập, kỳ thực người Anh cũng không tự biết rằng đó là tam quyền phân lập, chỉ là làm theo ý muốn hợp với cái thói quen tự do của mình. Thế rồi ở Pháp, có nhà học giả là Montesquieu (1689-1755) căn

cứ vào cái tập quán chính trị của nước Anh, viết thành quyển Vạn pháp tinh lý, phân minh cái học thuyết tam quyền độc lập, chủ trương rằng ba quyền lập pháp, tư pháp, hành chính phải đứng riêng rẽ. Họ Mạnh phát minh cái học thuyết ba quyền phân lập chưa được bao lâu thì ở Mỹ có cuộc cách mạng, rồi người Mỹ dẫn-cứ vào học thuyết tam quyền của họ Mạnh dùng cái văn tự chặt chẽ mà lập nên một bản hiến pháp Bản hiến pháp nay người ta gọi là hiến pháp thành văn, vì nó được ban hành từ nghĩa bản họ, trái với hiến pháp bất thành văn của Anh, vì cứ theo lập-quan cũ từ không bản thành văn nghĩa.

Hiến pháp tam quyền của Mỹ được nhiều người khen gọi là tốt, và các nước châu Âu, sau những cuộc cách mạng, nhiều nước bắt chước hiến pháp này để định lập ra hiến pháp của nước mình. Thế thì Trung - sơn tiên-sinh nhà tân đạo cuộc đại cách mạng ở Trung quốc cũng theo học này, sao không bắt chước theo hiến pháp của những nước dân chủ tiên tiến, lại còn muốn lập ra một thể hiến pháp ngũ quyền là những quyền gì vậy?

Nguyên trong khi theo đuổi công cuộc cách mạng năm năm tháng tháng, ông còn lưu ở các

nước ngoài, nhận những thì giờ nhàn rỗi, lưu tâm nghiên cứu chính trị của các nước, để dự bị những khi cách mạng thành công, sẽ làm cái gốc mà kiến thiết thể quốc. Păng-áp mà về bộ óc sáng suốt của ông, ông đã thu được cái kết quả của sự nghiên cứu. Kết quả ông thấy rằng: Hiến pháp nước Mỹ còn có nhiều cái chưa được hoàn bị, kiến cho sự vận động về pháp luật không được đầy đủ, nếu làm thế chẳng phải là ít. Khi ông những một lần ông nhận thấy như vậy, các học giả Âu Mỹ gần đây cũng có nhiều người đã nhận thấy như ông. Có lẽ hiến pháp ấy nó có một cái thiếu sót mà từ đời trước đến thế kỷ này, người ta đã tìm thấy ở nó những cái khuyết điểm.

Sau khi nghiên cứu dân do ông Tôn muốn tìm cách bổ cứu những khuyết điểm ở trong hiến pháp nước Mỹ. Nhưng lẽ của ông phải là một sự dễ dàng suy nghĩ, ông chợt nhớ có ông giáo sư Hỷ-tư-La dạy ở trường đại học Cô-lumbia (Columbia) này trước, có soạn ra một quyển sách nhan là « tự do », trong đó nó ba quyền không đủ, cần phải đặt ra bốn quyền, bốn quyền của Hỷ-tư-La muốn đem cái quyền đảm lược của Quốc-tội, trích ra để đặt làm một quyền độc lập. Ông

(Xem tiếp trang 15)



# Khanh Thục Ca

của NGUYỄN THỊ BÍCH

36 10

Ung-hoà NGUYỄN-VA-Y-TU

Thấy người, trước đón trên đàng,  
 Gửi rằng: « Có Nguyễn-văn Tường chực nơi. »  
 Phán rằng: « Sự đã nhường này,  
 « Người nên ở lại ngỗ rày sử phần ».   
 Vâng lời Tường mới lui chân (1)  
 Giá ra khỏi cửa dấn lần đôi theo  
 Thoạt trông rất đổi nghiêng ngéo  
 Gươm huỳnh trước mặt người xiêu bên đường  
 Nhấn mong thoát chốn tai ương,  
 Lấn nhau chẳng tưởng chạy bằng đạp vầy.  
 Trẻ già la khóc vang rầy (2)  
 Xa trông mà mặt khói bay lửa hồng,  
 Đắc (nhắc) cầu đốt quán làng bằng,  
 Là mưu Tôn-Thuyết dứt chừng truy binh  
 Than thay! dấn sự tan tành  
 Loạn ly mới biết thảm tình nỗi ni (nay).  
 Kim-luống vừa mới tới đây,  
 Đón xin dừng lại, Đạo nay có lòng,  
 Song mà ai khẳng tin cùng,  
 Chỉ đường Hồ-Hiền thẳng xông giặc truyền.  
 Kịp hầu bốn giá đi liền,  
 Đến nơi Thiên mụ đồ thây vẳng tanh  
 Đánh thua Tôn-Thuyết hậu hành,  
 Giặc truyền hầu giá lui quanh trở đường,  
 Tráng thi chốn ấy sẵn sàng,  
 Hầu ngài tới đó tạm an sở bàn.  
 Là vì ý gã dốc loan,  
 Hầu ra Tân-sở liệu phương phác thàn,  
 Các quan những kẻ theo phò  
 Sợ oai vãng mệnh dám mở cãi lời:  
 Xé trúa đi mới tới nơi,  
 Tôi đòi chạy đổi rã-rời tay chùng (chấn).  
 Yả thêm đói khát quá chừng,

Lỡ là g hăm hát cũng dằng lăm dằng.  
 Com thò chut hãy đỡ lòng,  
 Mới rồi lại thấy lộ g dờn hỏi đi.  
 Rằng: « Tà! đuổi tới sau kia,  
 N u mà chậm bước không, đi khỏi vòng! »  
 Xảy nghe chỉ xiết hãi hùng,  
 Giá sau kiệu trước bầy đồng rỗi mau.  
 Đi luống hơn một giờ lâu,  
 Tới nơi Văn xá xin hầu vào đây  
 Từ đ ông thích-lý chốn này  
 Ng i quân đỡ một mô giáy tạm đình,  
 Giám-từ với vũ sả n-sạnh,  
 Dâng cần chưa kịp phỉ tành tới con.  
 Lại nghe xao xạc nói ồn,  
 Tráng thi vừa đổi, Tà! dấn tới nơi.  
 Phải hầu Ngự giá kịp dờ,  
 Một đo in tới chưa tềch với nhật đông.  
 Máy người yếu đuối ấu xung,  
 Thằng đêu lạc-hầu khôn mong tiến tiến.  
 Thức chầu đói khát ngi nghiêng  
 Tróng theo kịp giá trườn chiến chi nài.  
 Đến làng vừ: đã lối trời,  
 Dọn nhà bá-hộ đề ngài nghỉ ngơi.  
 Dân mà có dạ hẳn hỏi,  
 Dọn bày cơm nước đãi mời quan quân.

(Xem tiếp trang 10).

(1) Câu « Vâng lời Tường mới lui chân », bản gốc của trường Bác cổ sao được, có phê một câu rằng: « Tà! thế, khả tiến Văn - Tường làm - sự » nghĩa là « như thế, có thể biết làm sự của Nguyễn-văn Tường » là gần đúng.

(2) Câu « Trẻ già la khóc vang rầy, xa trông mà mặt khói bay lửa hồng », bản gốc phê + chữ « thây » sau chữ « thảm », nghĩa là « trời đất thây thảm ».



Có nên tích trữ giấy bạc không ?

# GIẤY BẠC LÀ HUYẾT MẠCH

NGÔ-CÔNG

Nếu có thể so sánh một nước như một người, thì nền kinh - tế của nước (1) là bộ tuần-hoàn của người. Máu lưu - thông trong bộ tuần-hoàn y như tiền luân-chuyển trong kinh-tế.

Người có khi ốm vì thiếu máu, vì thừa máu, hoặc vì máu chảy không đều. Kinh - tế một nước cũng có khi lâm vào nỗi khổ khăn, vì thiếu giấy bạc, vì thừa giấy bạc, hoặc vì giấy bạc luân-chuyển không đều.

Tiền giấy bạc là như hồi trước 1930 1935. Hàng - hóa ứ đọng vì không ai có tiền mua. Nhà buôn rao hàng mãi cũng vô hiệu. Nhà kỹ nghệ ngưng sản hết sản phẩm. Đứng cửa. Thất nghiệp.

Nền giấy bạc là như hồi này: 1930 1935. Tiền đến nỗi ông chủ bán thuốc không biết đặt lên vào đâu cho chắc chắn, dùng tiền làm gì cho đỡ bận tâm - vất vả. Khi đến nỗi những bác phu xe coi đồng bạc rở như đồng chim, dơ càng làm họ, nhất là họ không chịu chạy một cuộc đua đầy cay đắng với cái giá hai đồng bạc. Nhiều đến nỗi làm họ, lấy mà phải phải, sợ rằng người khác thì ốm rồi h. ruồi, bầu rau hắt dĩa, cũng có từng có giấy bạc cầm, bạc hai chục, dăm bạc lộn lộn trong g. lưng!

Xét ra trên đời, bạc-ai cũng có nhiều, mà ai cũng qu. - ai

cũng cau-cổ vì bạc. Người sung túc thì ít, người đói khổ thì nhiều. Hàng trăm người chết đói trong một ngày, ở mỗi tỉnh, giữa cái thời-dại rất nhiều giấy bạc! Thật là một thứ bệnh kỳ-quái!

Lẽ ra, nền giấy bạc là triệu-chứng của sự thịnh - vượng chung cũng như nhiều máu là triệu-chứng của sự sung-sức!

Bệnh nhiều máu nguy - hiểm chính không phải vì nhiều máu, nhưng vì máu luân-chuyển không đều, vì có ở huyết, hoặc vì huyết quá ở chỗ ứ đọng.

Nhiều giấy bạc nguy - hiểm chính cũng không phải vì nhiều \$, nhưng phần lớn là vì \$ luân-chuyển không đều, vì có chỗ tích-trữ, hoặc vì lòng tin đặt vào \$ bị nung.

Căn bệnh đã tìm ra. Chữa bệnh không đến nỗi khó, vì nhiều \$ không phải là một bệnh bất trị.

Bai thuốc thứ nhất là phải phá ở-huyết, bãi trừ việc tích-trữ \$ Bai thuốc thứ hai là phải nâng lòng tin, bồi-bổ và duy-trì lòng tin đặt vào \$

Trên kia đã nói: giấy bạc luân-chuyển trong nền kinh-tế một nước, y như máu luân-chuyển trong bộ tuần-hoàn một người. Sự giấy bạc cần cho nền kinh-tế một nước có quyền hạn, y như số máu cần cho bộ tuần-hoàn một người.

Trẻ con có số máu của trẻ con; người lớn có số máu của người lớn. Nước nhỏ cần một số giấy bạc nhỏ, vừa đủ cung cấp trên thị-trường nước ấy; nước lớn cần một số giấy bạc nhiều hơn.

Sở phát hành giấy bạc; làm chủ nền kinh tế một nước, biết rõ số giấy bạc cần dùng trong nước. Số ấy không bị hai điều:

1 — không phát-hành một số \$ quá số cần dùng — vì \$ càng nhiều \$ càng sụt giá: hại cho toàn nước vì sự sống càng ngày càng đắt, lại hại cho sở phát hành (cơ quan-phủ hay ngân hàng) vì lòng tin của dân-chúng đặt vào \$ bị thu lại;

2 — không phát hành kém số \$ cần dùng — vì thiếu \$ thì công thương sẽ bị đình-trệ, kinh-tế lâm vào nỗi qu. bách.

Bởi thế, sở phát hành giấy bạc, đầu là chính phủ hay là ngân hàng dưới quyền kiểm soát của chính-phủ, bao giờ cũng liệu cung cấp một số \$ vừa đủ chi dụng trong một nước.

Nhận xét như thế, ta thấy rằng: một số \$ bị tích trữ, r. m. l. trong tủ sắt một tư gia, là một số \$ thiếu cho sự sinh-hoạt của nước — cũng như một số máu đọng ở một cơ thể là một số máu thừa cho sự sống của con người.



Đồ bỏ vào sự thiếu-thốn ấy, quả tìm phải làm việc gấp bội, liên-kết với bộ máy liên-biên bộ máy hô-hấp, ... để tăng thêm số máu luân chuyển trong huyết quản — sở phát hành giấy bạc cũng phải làm việc gấp bội, mua thêm giấy, in thêm bạc, để tăng số \$ luân chuyển trong nền kinh tế.

Sau cuộc bỏ-khuyết \$ :

Nếu số máu đã đọng có thể bài tiết ra ngoài bởi cơ quan bài-tiết, thì việc tuần-hoàn không còn bị đình-trở nữa, công việc của bộ máy tuần hoàn và các « đồng minh » sẽ trở lại mức thường : con người hết ốm ; trái lại, nếu số máu đã đọng không thể bài tiết, lại làm đọng thêm một số máu mới nữa, thì bộ máy tuần-hoàn và « đồng-minh » phải làm việc gấp bội hơn nữa để chống bị bế tắc bởi ứ-huyết, rồi cuối cùng, phần thì mỗi một phần thì bị cản-trở, cơ quan tổng dẫn : người ốm nặng rồi chết.

Cũng sau cuộc bỏ-khuyết \$ :

Nếu số \$ đã đọng ở tư - gia có thể xuất ra ngoài do việc kinh-doanh kỹ-ghệ, thương-mại, hoặc — cũng lắm — do việc mua phiếu kho-bạc, phiếu quốc-trái, thì nền kinh-tế không còn bị đình-trở nữa. Công việc của sở phát-hành trở lại mức thường : giá \$ lên (giá hàng-nó xuống) ; trái lại, nếu \$ đã đọng không xuất ra ngoài, một số \$ khác lại bị ứ-trữ, thì cơ quan phát hành cứ phải in thêm \$, để \$-lưu sụt giá mã, rồi cuối cùng, phần thì hết tin, phần thì

tử-sát đã xảy ra, không ai thí-h \$ nữa, người ta tránh \$ : \$ sẽ là giấy vụn, hại cho hết thảy mọi người.

Máu cần phải chu-lưu trong toàn thân. \$ cần phải luân-chuyển trong nền kinh-tế.

Ở những nước « dân vì quí », chính-phủ tìm để mọi cách để tăng sự luân-chuyển của \$

Mỗi người thợ, mỗi người làm công, đều rõ là có một số để dành tiền ở sở Gây-thép (2), không khác gì mỗi tư gia, mỗi công-ty kỹ-ghệ hay thương-mại đều có số lưu-trữ hay số luân-chuyển ở ngân-hàng.

Những số tiền — cố nhiên rất nhỏ — của người làm công để trong số để dành, được hưởng lãi có chính-phủ cấp, được dễ dàng lấy ra hay bỏ vào. Có thể nói rằng : những số để dành là những cái túi áo, những cái ví da của dân — những ví da không dễ bị rơi, bị mất cắp, bị cướp giật, những ví da biết dùng von dè lời,

Rủi lợi cho người dân.

Cũng lại rất lợi cho kinh-tế toàn nước, vì những số tiền nhỏ — của mọi số người rất đông — không bị ứ đọng

Còn số tiền lớn của người giàu ?

Số tiền này không phải dựng trong túi áo, trong ví da. Thường ở trong tủ sắt. Không bị rơi, mất cắp hay cướp giật. Nhưng có thể bị mất trộm và bị cháy (đầu tư bằng số)

Đầu không bị mất trộm hay bị cháy, số tiền bị tích-trữ đối với

kinh-tế cả nước là số tiền đã mất rồi, mất vì số tiền ứ không luân-chuyển trên kinh-tế. Thiếu số \$, kinh-tế kêu gào một sự cần-thiết : cơ-quan phát-hành bắt buộc phải in thêm một số \$ mới, đồ bỏ vào số \$ thiếu vì ứ đọng.

Ta lại cũng nên nhớ rằng : thường thường người giàu ít khi là người ngu. Họ biết hơn ai hết : \$ muốn có giá, muốn được quí cần phải sinh lợi. Điều kiện này không bao giờ có, nếu \$ cứ ứ đọng trong tủ sắt. Cho nên, không chóng thì chầy, người giàu sẽ phải mở tủ cho \$ đi ra. Trong kinh-tế, lúc bấy giờ ta thấy :

Một bên số \$ tăng rõ ràng,

Một bên, số hoa-phần (vãi-hàng các thứ) của những người ở mức « B ». Đại phần số cái gì cũng ít thì càng quý, càng nhiều thì càng rẻ. Số hoa phần đứng yên ở mức cũ, số \$ tăng : tức là giá đỡ chắt của \$ phải xuống. Người thiệt thòi nhất có phải chính là người có nhiều tiền nhất không ? Tích trữ \$ là có hại.

Để tránh sự thiệt-bại ấy, chỉ có một cách : không tích-trữ \$.

Nếu mình tin ở chính-phủ nếu mình nghĩ rằng : chính-phủ còn thế tài-sản của mình còn, mình sẽ giao số tiền dư dùng cho chính-phủ, bằng cách mua phiếu kho-bạc, phiếu quốc-trái. Nếu mình đặt lòng tin vào một ngân-hàng, mình sẽ giao số tiền dư dùng cho ngân-hàng, bằng cách đổi số tiền dư dùng thành những con số.

(Xem tiếp trong 16)

1) của nước đang dùng tiền.

(2) Hay ở một công sở khác.



# HẠNH THỰC CA

(Tiếp theo trang 7)

Mở mở truyền kịp đời chúng (chân).  
 Đến nơi ly-quán, vừa chừng buổi trưa.  
 Nghỉ chân com nước một giờ  
 Qua nơi hayện Hải, hayện-Chùa chợ nghênh.  
 Kính dâng mọi lễ phẩm sạch,  
 Lựa phu cất việc hộ hành thắng ra,  
 Mấy hơi làn xóm tái quai,  
 Tâm lòng cần bọc dĩa ra dâng thành.  
 Xiết bao đường xá gập ghềnh,  
 Ngày hai mươi bốn Trữ thành tới nơi  
 Hành-tạng dọn chốn nghỉ ngơi,  
 Tỉnh-thần Trương Bản truyền coi canh giờ  
 Móng-trần lao khổ tạm thư,  
 Lăn rghedĩn-tác kinh-sư đường nào.  
 Văn-Tướng mấy lần sớ trao,  
 Thấy đều giấu giếm chử ý lìa thật tình.  
 Hồ lòng, Phận-Thiền. Đỡ, tịnh.,  
 Lại cùng Nuyễn Phẫu-Lưu-Hy-Thành theo sau  
 Luân-bàn hướng hướng đạo an,  
 Chẳng qua mệnh-lệnh dọa nhàn ngoạ truền.  
 Gửi, xin Tân sớ kịp lặn,  
 Ở đây thế ấy chẳng nếm dẫu là.  
 Trái lại, thái-hầu quở quai:  
 « Đi đũa cho nhọc, chẳng thạp ở đây  
 Dù mà Tây có lối nơi 3)  
 Đã đành sống chết rủi may nhờ trời  
 Nguồn cao nước đục xa quê  
 Nỡ đem tuổi tác đến nơi hiểm nghèo ».  
 Phán rằng: « Ta vốn đã liều  
 Huống đem tác ca đi theo thêm phiến  
 Hãy phó thiếu-chiếu cho yên  
 Mặc ai ở lại, chỉ truyền khá vắng. »  
 Sợ e hững chẳng dấn rằng  
 Vài ngày lại thấy băng xung chốn nhàn.  
 Rặng lầu Tây ở bên giang,  
 Xin hầu chúa thượng kịp loan tiến hành.  
 Nghe lời cũng dạ hải kinh,  
 Ngập ngừng thiếu-chiếu bái trình, xin đi.  
 Khôn cầm nước mắt biệt ly,  
 Ân-cần huân dạ khá ghi tấc lòng,  
 Dặn dò lời nọ chưa xong,  
 Mút đồn xin thế thưng dưng trở-trường

Tạ từ lén, vồng vôi vàng,  
 Quan quân ứng vạ lóng đảng rười rượi.  
 Khỏi cung dặng một giờ lâu  
 Trở về các giám cùng nhau lâu-quý.  
 Rằng: « Tôn-Thuyết chẳng cho đi,  
 Khiến đều ở lại hộ tây ba-công » (4)

Thấy người đứng đón bên đường, lâu rằng  
 « Có tôi là Nguyễn-Văn-Tướng chực đây ». Thái-  
 hậu phán rằng: « Sự cơ đã đến như thế này thì  
 nhà ngươi nên ở lại mới mong điều-đinh ». Nguyễn-  
 Văn-Tướng nghe lời lui lại. Khoảng nửa-ra-khoi cửa  
 (ngày 5-7-1885, hồi 7 giờ 30 sáng), thì dân theo  
 sau. Thoạt-rồng rất là gay-nan: đằng trước thì  
 có người múa guom, dân gian xiết giạt cả hai bên  
 đường, ai cũng chỉ mong thoát nạn, nên chẳng  
 trông ai đường xa rậm tít tắp. Giã trẻ kêu-la khóc  
 lóc vang trời, trông xa cổ đám lửa hồng lên, thốt  
 bay mù-mù, lại cả đều đốt q. án rớt-rớt, t. eo mưu.  
 Tôn-Bất-Tuyết làm cho mất lối đuổi theo. Theo  
 ở 1 dân sự tan-tành, vì sợ loạn-cải: mới đến rồi  
 thăm thò như thế này. Đi xa tới Kim-lông, có  
 giáo-sĩ ở nhà thờ một vò, xin dừ-ai chặn lại để  
 dâng lòng t. l. ph, nhưng mà a l. tin đ. r. Có Hồ-  
 Hiền chỉ đường, thì bất-ai lại g. u. d. B. xe đi gặp  
 liền như, tới Thiệu-mu, chẳng có thuyền l. n. o. cả.  
 Tôn-Bất-Tuyết n. ánh h. u. đi sau, truyền cho hầu  
 giả h. o. lại: chỗ trường t. u. sẵn sàng đủ cả, xin h. m.  
 ngài vào đây tạm nghỉ, rồi sẽ h. u. Vì ý Tôn-Bất-  
 Thuyết chỉ loan một đường, là ra Tân s. o. d. l. u.  
 phương p. u. t. u. Các quân đi l. o. giá t. ai u. g.  
 sợ o. u. vàng mệnh, d. m. d. u. c. i. l. o. X. a. d. i. m. o. i.  
 tới nơi, quân b. u. d. y. t. o. d. u. m. o. m. e. t. r. o. r. a. c. a.  
 chán t. a. y. v. a. l. a. i. d. o. i. k. h. a. t. q. u. á. c. h. u. g. , v. i. l. o. l. a. g. c. h. o.  
 c. e. n. c. o. m. a. m. c. a. n. h. t. h. o. c. u. g. d. a. n. g. d. o. n. g. a. i. d. u. n. g.  
 t. a. m. c. h. o. d. o. i. , V. a. x. o. n. g. l. a. i. t. h. a. y. g. i. u. a. d. , r. a. n. g.  
 « Tây nó d. o. i. ở d. o. n. g. s. a. u. k. i. a, n. e. u. m. a. c. h. a. m. b. u. o. c.  
 thì kh. o. d. i. c. h. o. t. h. o. á. t. ! » C. h. o. i. u. g. h. e. a. i. n. a. y. h. a. i. h. u. g. ,  
 x. e. s. a. u. k. i. e. n. t. r. u. o. c. v. u. o. t. q. u. a. d. o. n. g. c. h. o. m. a. u. . D. i. c. i. u. g.  
 h. o. n. m. e. t. g. i. o. r. n. u. a, t. o. i. c. h. o. á. y. l. a. l. a. n. g. V. a. n. x. á, c. ó. t. h. e.  
 d. u. o. n. g. t. h. i. c. h. l. y. ở d. á. y, x. i. n. m. e. i. v. a. o. n. g. h. i. d. o. c. h. o.  
 q. u. á. n. d. o. m. e. t. . C. h. o. c. g. i. á. m. t. u. ở t. h. i. c. h. l. y. v. o. i. v. a. s. á. m.  
 s. a. c. o. m. n. u. o. c. , c. h. u. a. k. i. p. t. o. l. o. n. g. t. h. a. n. h. , t. h. i. l. a. i. n. g. h. o.  
 c. ó. t. i. e. n. g. d. n. a. o. r. a. n. g. : T. á. y. n. ó. v. a. d. o. i. ở t. r. u. o. n. g.  
 t. h. i. , s. á. p. d. o. n. d. o. n. d. á. y, p. h. á. i. m. e. i. n. g. u. g. i. á. d. i. n. g. a. y. ! »



Vua tôi lại một đoàn thẳng đường chạy ra. Người yếu đuối nhỏ mọn, hết thấy trụt lại, không thể theo kịp. Người chần chừ đôi khất ngã nghiêng, cốt mong cho kịp xa giặc, chứ có kẻ chi khổ nhọc. Khi đến làng thì trời vừa tối, dọn nhà há-lộ đề ngài nghỉ ngơi. Dân nhà có lòng tử-tế hẳn hoi, sửa soạn cơm nước đề mời quan quân. Mờ sáng hôm sau đã vội vã ra đi, vào chửng buổi trưa thì đến nơi trú quán, vào nghỉ chân đề cơm nước đề một giờ. Qua huyện Hải lang cũ, chức huyện thừa chức đồn, kính dâng đủ mọi lễ, lại lựa dân phu, cắt mỗi người một việc đề hộ hành. Đi qua mấy làng xóm, chỗ nào cũng ra đón và dâng lễ. Trái bao nhiêu đường xá sập gềnh, ngày hai mươi bốn tới tỉnh thành Quả-gi. Quan thừa Quảng trị là Trương Dấn cho sửa soạn bàn-cung đề ngài nghỉ ngơi, lại truền canh giờ cẩn mật. Mấy hôm khuya nhọc đã được hơi thư, còn đề dò xem tin tức ở trong kinh thế nào? Bao nhiêu số tập của Nguyễn-văn-Tường, các quan bổ-tướng đều giấu - giấu không dâng lên. Quan bổ-tướng ở đây là Phan-Hiền, Trương - Lễ Nghĩa - Hân, Nguyễn-Phổ và Lương-Thành, đều cùng nhau bàn bạc lo-sợ: Nếu cứ giấu mãi thì thành ra mình lại dựa mình vào Bần luận xong, bèn tất xin dời ra Tân-sở, vì ở đây thế tất là không yên. Thái - hậu nghe lấy làm trái tai, quả rằng: « Đi đâu, cho nhọc, chẳng thế ở đây! Ví dụ Tây có lời nói, thì cũng chẳng sống chết một phen, còn sự rủi ro là nhỏ rồi. Những chỗ nguồn cao nước độc xa xôi, rồi hẻo lánh người tuốt tác đến nơi hiểm nghèo » Rồi ngài phán rằng: « Ta đã nhất định như thế, huống chi đem người già cả đi theo thêm phiền! Các người hãy phổ thiếu khuya đi cho yên, còn mặt ta ở lại. Chỉ truyến thì phải theo. » Các quan đều sợ hãi, chẳng dám nói năng. Được vài ngày lại thấy có tin vào tâu rằng: Tào Tây nỗ đã đậu ở bên sông, xin rước chúa thượng khởi hành ngay cho. Nghe tin ai nấy hãi hùng. Thiếu-chúa thì từ biệt thái-hậu, có vẻ ngập ngừng, giọt lệ biệt-ly xi mà ngầu cảm cho được? Dự chỉ của thái-hậu rất là ân-cần tận-kế, nên ghi vào lòng. Đang dặn dò chưa hết, thì các quan vào giục xin chớ trễ mà sớm lên. Thiếu-chúa vội vàng thì tạy lên vồng, quan

quân hộ vệ theo sau. Đi khỏi hành cung đó hơn một giờ, thấy các thái giám trở về tâu rằng « Tôn-thái-Tâyết không cho đi, bảo trở về hộ vệ ban cung ».

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỔ

(3) Câu « Đà mà Tây có lời nói, đã đành sống chết rồi may nhờ trời », bản năm phé 2 ở ở « định kiến », tức là thái-hậu có ý kiêu nhất định định Tây

(4) Về việc thành Huế thất thủ ngày 5-7-1835, 131 chưa kịp được tái-lập một lần nữa cho kỳ chết nổi, đành phải tạm dịch ba báo để từ chối của tướng De Courcy gửi về chính phủ Pháp như sau đây:

« Huế, ngày 5 tháng 7, 3 giờ sáng. — Công-sứ-quân và mạng-cả (trại lính của Pháp) thỉnh - thỉnh bị tất cả quân trong thành đánh úp hồi 1 giờ sáng. Tất cả trại hải quân bộ binh (quân thủy lên bộ) lập tranh ở xung quanh Công-sứ-quân đều bị hỏa-mai, đốt cháy và bị người Nam đốt. Công-sứ-quân còn nguyên. Không thiệt hại may. Trại Mang ca là chỗ toàn quân A rập thứ ba (tức lính Algérie) ở, thì không thể biết xảy ra như thế gì. Nhiều chỗ ở trong thành đang cháy: súng trường và súng đại bác đều bắn dữ dội. Xem đường lối-liều súng thì tới chỗ là quân ở chớ đã lui. Tôi giữ được cái nhà là để làm chỗ đánh giặc thép, và cho lệnh ra Hải-phòng để đem lính vào đây. Tôi không lo gì hết ».

« Huế, 5-7, 11 giờ sáng Thành đã vào tay ta, còn người 1100 kẻ đại bác. Quân ta đánh giết lắm, hoàn toàn tin là thắng. Thiệt hại nhiều. Người Nam bắt đầu đánh từ 1 giờ sáng, nửa đánh chỗ ta đóng trong thành, nửa đánh Công-sứ-quân. Quân Nam nổ đại bác, trước hết dùng hỏa mai đốt cháy hết trại lập tranh ở Mang - cá, và trại hải - quân bộ binh ở Công sứ quan. Quân ta cháy hết. Đạn được và lương thực không việc gì. Công-sứ-quân bị đại súng lớn bắn vào thẳng trại. Hải-phòng sẵn đề đánh lui bọn phản công, có thể xảy ra đêm sau này, ít ra họ cũng đánh Công sứ quan. Ngồi không lo gì cả. Tôi đã truyền quân đội chuyển thêm vào trại ».

Bức điện thứ ba nói: « Quân Nam bị chết độ 1200 đến 1500 người. Quân Pháp chết 23 người (trong đó có 4 sĩ-quan), 14 người bị thương nặng và 50 người bị thương nặng ».

Phụ-chính Tường đã vào tay ta. Để cho gọi hải-quân bộ binh ở Bắc-pào ».



# VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 22

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đến bài p ả *Tiền xích-bích* và *Hạ xích-bích* của ló Đồng-phu h không những ta làm theo lối văn ấy mà bởi, về thời kỳ a-cử, phạm họ: rõ đã biết làm văn đều viết bài *xích-bích* dán lên vách, treo lên tường, có người bỏ vào vóe lụa, có người sơn khắc vào gỗ, cho là một áng văn-chương tuyệt tác của Tàu. Bài phú *Bạch đằng giang* của Trương Han-Sôu cũng bắt chước lối văn ấy cũng đặt vào lối văn đáp đề tả cái âm-chỉ của mình: Mở đầu có câu: « Khách có người trao cái phong-phẩm (gương báu) để tặng gó hồn-mạn (thần ngoạn-khí của mây), nhấc vầng trăng dướ bề mặt mỏng; buổi sớm gõ bẻ chèo ở miếu sông Ngaoan số g Tương, ló đến vào nơi thăm thăm là Vũ-huyệt (hang đá hóa rồng ở Vũ-môn). Chín sông năm hồ ba nước Ngô trăm nước Việt, phạm chỗ nào có dấu chân người đến, đều đã lịch-duyet qua... ». Cuối bài có câu: « Khách theo mà bất nối văn rằng: Hai vị thánh quán đời Trần) đều thông m lạc, ở sông này để rửa gáp-bon; bụi Hồ không dám động, ngìn tu thắng-bình; thế mới biết không phải tại non sông hêm-trở chính là ở cái đức tốt của mình to-lớn không ai ví nổi (dĩ h theo

*Hoàng Việt văn-tuyền*, q. 1, từ 3 a đến 4 a) cũng như bài *Tiền-xích-bích* ông Hàm đã đăng ở trang 215-217.

Ngoài năm nhà văn-sĩ, thi-sỹ ấy, văn chương của ta còn chịu ảnh-hưởng của Tàu nhiều lắm. Như bài « Hịch của Trần Hưng-Đạo dụ tướng sĩ » (*Hoàng-Việt văn-tuyền*, q. 7, từ 1 b đến 4 b) thì bên Tàu có bài « Hịch đánh họ Vũ ». Bài biểu *Lê-văn-Linh* từ không nhận chức quân-dân hạ tịch đạo Hải-Ây (*Hoàng-Việt văn-tuyền*, q. 6, ở 6 b 7 a) xem văn Tàu có bài sớ của Vũ Kiem từ không nhận việc vua cho nhà ở (*Cổ-văn-hợp-tuyền*, q. 11, từ 29 a-30 a) Bài « bia miếu Vũ-mục-công ở Nam-giới » của Nguyễn-như-Đồ (*Hoàng-Việt văn-tuyền*, q. 3, từ 15 a đến 18 b)

Văn Tàu có bài « bia Hán-văn-công ở Trao-hân » của ló Thúc (*Cổ-văn-hợp-tuyền*, q. 12, từ 41 a đến 44 b) ..

Nói tóm lại, văn nho của ta không cứ là một lối gì, hình-thức đều bắt chước của Tàu, Lắm bà nổi tiếng sang Tàu, người Tàu cũng khen là hay, như bài *Bình-ngó đại cáo* của Nguyễn-Trãi và lập Ngô gia văn phái của nhà họ Ngô: văn từ mới lạ, nhiều ý nghĩa xưa nay chưa từng thấy ai nói đến

bao giờ thế mới biết người có văn-tài không chịu theo sao cũ. Bởi vậy, trong bài ảnh-hưởng của văn chương Tàu, cần phải nói rõ: đoạn này ông Hàm thiếu, nên tôi viết qua ra đây, để khi tái bản ông liệu thêm vào.

\*\*\*

Đến chương thứ tư trong thiên thứ hai, ở quyển *Việt-Nam văn-học sử-yếu* ông Dương Quảng Hàm đăng một bài đề là « Các nhà viết thơ văn chữ nho trong hai triều Lê, Trần » (từ tr 219 đến tr 239): thế là từ bài này trở đi mới hợp với ấn sách là *Việt-Nam văn-học*.

Đây có một điều, ông Hàm bỏ mất một đoạn về đời Đ n, Lê (968-1009). văn chương đời Đinh thì hiện giờ chưa tìm được bài nào, nhưng cứ xem trong sách Tàu (*Văn-hiến thông khảo*, q. 310, từ 18 a) chép: « năm thứ bảy hệu-Khai bảo (974) đời Tống Thái-b, Đinh Lễn sa sứ sang cống phương vật, dâng biểu xin nội-phụ... », thì đời Đ n đã có văn chương rồi. Có người cho chiều, biểu là công-ván, cổ nghĩa cho rõ, chứ không thật là văn-chương: chính ra không phải thế lối chữ ấy, biểu là lời từ lụy hoặc biếu ngẫ, người không có tài văn chương không làm nổi.



Đến văn thơ đời Lê, thì ngay năm 980 Lê Hoàn nối ngôi nhà Đinh, sai sứ sang Tàu dâng biểu cầu phong mới là Đinh-Toàn xin nối ngôi: bài biểu ấy có chép ở *Lịch triều Hiến chương, Bang-giao chí* (bản sao trường Bắc-cổ, số A 50, q. 46, tr. 5 và 6). Năm đinh-hợi 987, nhà Tống sai Lý - Giác sang phong. Lê - Hoàn sai pháp sư tên là Đỗ-pháp. Thuận giả làm lái đò chờ đón, tại người họa thơ rất là giỏi. Khi sứ Tàu về có dâng Lê-Hoàn một bài Đường-lật Lê-Hoàn đưa sư Khuông-Việt xem, Khuông-Việt làm bài thơ: « Thơ này tên bề - a cũng như vua Tàu ». Lê-Hoàn khen, và bảo Khuông-Việt làm bài ca đề lên. Mấy bài thơ này còn chép ở *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, (q. 1, tờ 18 a-b).

Đoạn thi gia đời Lý (tr. 219), ông Hàm chép một bài thơ tứ-tuyệt mở đầu là câu: « Nam-quốc sơn hà Nam đế cư » và hai tập thơ của hai nhà sư. Chép như thế cũng theo. Lý Tuân-ông (1028—1054) có một bài thơ cổ-thể đưa cao các vị sư giả tử về ý nghĩa đạo Phật và một bài thơ cận-Lê khen sư chùa Pháp-vân. Lý Nhân-tông (1072—1127) có hai bài thơ cận-Lê, một bài khen sư Giác-nhật, một bài tặng sư Vạn-hạnh. Mấy bài thơ này đều chép ở *Đại-Việt thi-lục* (số A 1262, q. 1, tờ 1 a-b). Đoàn-an-Khâm làm thượng-hu đời Lý Nhân-tông (1072-1127) cũng có hai bài thơ mạn-tề, viếng sư Quảng-trí và khước sư Chân-không (*Toàn-Việt thi-lục*, q. 2, tờ 1 a-b).

Còn bài « Nam-quốc sơn-hà... », ông Hàm cho là Lý Thường Kiệt làm « để khuyến-kích tướng sĩ » (tr. 220) chưa chắc đã đúng: *Toàn-thư* (q. 3, tờ 9 b) chép là « Lý Thường-Kiệt đem quân đi đánh Tống đến sông Như-nguyệt, đóng trại ở sông Ngũ, tự nhào một đêm quân-sĩ ở trong đền Trương tương-quân tử Trương-Hồng nằm bất tỉnh ». Như thế thì chưa rõ của ai làm ra, nên. Lê-quý-Đôn không chép vào *Toàn-Việt thi-lục*.

Ông Hàm lại bỏ mất cả một đoạn về văn - gia đời Lý Hoàng - Việt *văn - tuyển* (q. 5, tờ 1 a đến 2 b) có chép một bài chếu thiền - đồ của Lý Thái - tổ (1009 - 1028) và một bài di chiếu của Lý Nhân - ông (1072-1127): ba bài thiếu ấy, các sử ta đều có chép. Đây là những thơ văn còn lưu lại trong sử lại chép những việc sau này: « Năm bình-thiên 1056, Lý Tuân-tông dựng chùa Sùng-Kiến ở phương Bắc-tiên, xây tháp mười tám tầng, cao vai mười tám ngàn phật ra 12000 can đồng để đúc chuông lớn. Vua làm nhiều văn bài (nhu) các bài » (*Khâm-định Việt sử cương-mục*, q. 3, tờ 21 a). « Mùa đông năm diêm-mão 1087, Lý Nhân-ông đến chùa Lâm-sơn (xa Lâm-sơn, huyện Quê dương, tỉnh Bắc-ninh), đem bài kệ cho quan thần, làm bài thơ, đầu bài là *Lâm-sơn dạ yến*, đêm an yến ở chùa Lâm-sơn » (*Khâm-định q. 3, tờ 45b*). Xem như thế, thì văn thơ đời Lý hẳn còn nhiều bài; lau ngày cũng có nhất là, chứ không phải là không có nữa. Vả lại đời Lý đã mở khoa thi, có như ông còn

tiếng về sau, như Mạc-hiền-Tích, Đỗ-thế-Diền, há lại không có văn-cương hay sao? Ông Hàm bỏ hẳn đoạn văn-gia đời Lý thì làm. Đến lần tái - bản, ông nên tham-khảo mà bổ chính vào.

Ở đoạn « thi-gia đời Trần » ông Hàm nói « các thi - gia đều có thi tập để lại »: câu ấy có lẽ không đúng, như Đinh - cũng Viên làm qua ba triều Vua (Thánh - tông, Nhân - tông và Anh - tông. 1258-1314) sung hàn - lâm, tước thắp - p ó; Phạm-như-Lân làm đến Đệ nhất-thượng thư-tổng-quản-dữ-Tàu Nhân-tông và Anh-tông (1274-1314) là như Mạc Đĩnh-Chi, Nguyễn-Sĩ-Lô, Đỗ Khắc-Chung, đều là những bậc đại-nhà nho, lương - tướng đời Trần, không thấy chép ông nào có tập thơ, chỉ thấy còn danh họ bài truyện lại. Cứ theo *Toàn-Việt thi-lục* thì thi gia đời Trần có đến năm mươi ông; nếu chỉ bỏ những thơ chép ở tập, thì ông Hàm bỏ sót mấy tập sau này: *Cung-cực lạc nam*, một quyển của Trần Ích-Tắc, ông Hàm chưa vào đời quẻ *Việt đim thi tập* (tr. 213) triều Hậu-Lê thì hơi khó xem. Tái - bản con thứ Trần Thái Tông (1225-1258) khi người Nguyễn sang Сим, Tắc đến ở nhà ông Nguyễn, rồi làm quan bên Tàu và chết ở bên ấy; tên này làm trước *Khánh-Nguyên*; *Sấm-lưu tập*, 1 quyển của Uy-vân-Vương đời Trần tên là Toại; *Phi-sa tập*, 1 quyển của Nguyễn Thuyết ông Hàm chép ở tr. 107); — *Các đường di-cảo* 2 quyển của Trần quang Triều Là ông một quyển ở nói ở nhà gia của Trần nhân Tông (1278-1293) soạn



khí đi tu, đề là *Đại hương ấn* thi. Cũng có người không được nhiều bài thành tập mà cũng phải chép, như Trương Hán Siêu, Lê Quát, v. v., nhất là Hồ qui Ly (1400) có ba bài, nên mới qua Hồ bán Xương (1400-1407) định lại phép thi, mỗi kỳ thi thư (viết) toán (tính); vậy thì cha con họ Hồ không phải là không có công với văn học (ông Hàm có nói đến Hồ qui Ly ở trang 108 và 279, nhưng, có lẽ nói về tam năm, không nói về ấn thư).

Đoạn văn gia đình Trần thiếu bà *Phóng cuồng ca* của Trần quốc Tảng: Quốc Tảng là con thứ Hưng đạo đại vương, ba lần có công đuổi quân Nguyên, vua cho ra trấn lộ Hồng, sau lui về Tĩnh bang (xã Yên Quảng, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Phòng), dưỡng nàn, thường làm thơ ngâm thờ, nên có bài ca này: *Tài Thanh; hư động kỷ* của Nguyễn-Phi Khanh: PL-kinh lý con gái Trần nguyên-Dán. Dán có làm cái động ở núi Côn-sơn gọi là Thanh-hư - động để làm chỗ hoai hưu; — bài *Ma nhai-kỷ - công-văn* của Nguyễn-Trung-Ngạn. *Ma-nhai-kỷ-công* nghĩa là mà sườn núi chép công rặng *Chế* khác chữ *Ấy* ở núi Huệc tên Trần-hương, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An mỗi chữ to bằng bàn tay, nét khắc sâu hơn một tấc. Nguyên năm gặp tuất 1334, Trần Nhân Tông (1329-1341) sai Nguyễn-Trung-Ngạn sang chức phát-vệ-sứ Thanh-hóa, vận lương đi trước để đánh Ai-lao, Thượng-hoàng đem đại quân đi sau đến Kiêm-châu (huyện Tương-Dương) thì Ai-lao trông thấy chạy trốn, vua xuống chiếu cho Nguyễn

Trung-Ngạn mài đá chép công rặng rồi về. . .

Đến đoạn nói về đạo Phật đời Lý (tr. 220) nên thêm: Vạn-hạnh thiền-sư, Không-lộ thiền-sư, Đạo-hạnh thiền-sư, sư Mãn-giác, sư Ngộ-đạo, sư Chấn-không, sư Bảo-giám; mỗi vị đều có một vài bài thơ còn lại, hiện chép trong *Toán Việt thi lục* đời Trần ông Hàm nói « đạo Phật vẫn còn thịnh, nên có những tập thơ của các vị sư viết ra » (tr. 212) mà ở dưới chỉ dẫn một tập *Ngọc tiên* của sư Huệ - Quang, như thế, thì hai chữ « những tập » của « các vị » nên xóa đi, và nên dẫn thêm sử Pháp-lâm có mấy bài thơ chép trong *Toán-Việt thi lục*.

Trang 220, lời chú số 3 nói về sư Bảo-giác, ông Hàm chép « năm 1108, Lý - nhân - tông, lập phủ Nguyên-hóa thứ 8 ». Chữ « Long » ấy nên viết hoa và chữ nguyên hóa xóa đi, vì tra trong đời Lý Nhân-tông có tám miền hiệu mà không có chữ nào là nguyên-hóa, chỉ có Long-phủ, mà Long-phủ thứ 8 chính là năm 1108.

Trang 230, trong bài thơ *Chư trung tức sự* của Phạm Sư-mạnh câu thứ 3, ông Hàm chép « mộng hương tọa đôi nhĩ-hà nguyệt » cả quốc ngữ, hữ nhỏ đều viết chữ « mộng » mà bên thơ năm (tr. 231) của Trần-văn Chắp dịch là « Hương đốt ngồi trông trăng bên Nhĩ », thế thì chữ « phần » nghĩa là « đốt » chứ không phải chữ « mộng », vì chữ « phần » viết « lâm » trên « hỏa » dưới, với chữ « mộng » « lâm » trên « tịch » dưới, dễ nhầm lẫn.

Câu thứ bảy ở bài *Thuật hodi* của Đặng-Dung, ông Hàm chép

## GIẤY BẠC...

(Tiếp theo trang 9)

Chính-phủ không dám hăm \$ của mình. Ngân hàng cũng không giữ Yên \$. \$ sẽ được bỏ ra để khai thác trong những việc ích chung (làm đường sắt, khai sông dẫn nước vào ruộng v. v...) \$ sẽ được bỏ ra để kinh-doanh thương-mại và kỹ-nghệ (lập công-ty bảo-hiêm, công-ty vận-lãi, xưởng máy v. v...).)

Nhờ sự khuyến-hối trong và kinh-doanh ấy \$ luân-chuyển đúng tốc-lực trung bình, số phát-hành lượng đúng số \$ đủ cần cho kinh-tế: giá đỡ, chắc của \$ đứng yên, đời sống của mọi người được chắc-chắn. Đó mới thật là thịnh-vượng chung.

Từ trước đến nay, ta không có một chính-phủ đề tin, ta cũng không có một ngân-hàng đề đời lên thành con số. \$ vẫn bị tích-trữ, đến nỗi giá sinh-hoạt cao vọt lên, gây thành cái thảm-trạng hiện-thời.

Từ nay trở đi, ta đã có một Chính-phủ dân-chủ cộng-hóa đề tin, ta lại sẽ có một quốc-gia ngân hàng đề gửi tiền, ta sẽ không tích-trữ \$ nữa.

NGÔ CÔNG

« quốc thù vị phục đầu tiên bạch » (tr. 232) *Toán Việt thi lục* (q. 4, tờ 25 a) chép là « quốc - thù vị báo. . . ». Cứ kể ra thì chữ « phục » với chữ « báo » ý nghĩa cũng giống nhau, nhưng chữ « báo » hay hơn, và bên năm của Phan-kế Bình dịch là « Thà trả chưa xong đầu đã bạc » (tr. 233), thì chữ « báo » vẫn sát nghĩa hơn.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ.



# GÓP VUI

## « Thề quần thần »

Một Cự Lôn kia, người vùng hồ, xứ Bắc-kỳ lúc thiếu thời xuất thân làm người hơi béo, sau gặp được viên quan cai trị dùng làm bồi.

Ngày tháng qua, viên quan cai trị thăng mã, thăng đến chức Khâm-sứ Trung kỳ, và cũng trong thời gian này thăng tới cũng thăng, từ « bồi » đã đến tri châu, rồi tri huyện, tri phủ, án-sát, bổ-chánh và Tổng-đốc cũng trong một tỉnh ở Trung-kỳ.

Người ta kể rằng không biết nhân dịp « Cự Lôn » ăn thọ, hay thuyên thăng vào kinh làm thượng thư, (vì sau Cự Lôn làm đến thượng thư lại được phong cả Nam-tước), văn thân trong tỉnh nọ đã mừng ba chữ « Thề quần thần ».

Cho là chữ đẹp và lại của văn thân một tỉnh có tiếng là văn-hiến Cự Lôn treo mãi, cho đến khi không biết vì lẽ gì Cự Lôn bị bãi với cái tước Tuân-phủ và trở lại quê nhà xứ Bắc, Cự Lôn vẫn còn treo chữ ngời chói.

Người ta lại kể rằng một hôm có một nhà nho vào thăm nhà thấy ba chữ trên kia, xin Cự Lôn cho cất đi, Cự Lôn cố gắng mãi bực tức rồi ông ta phải bần rồ, thì có gì đâu: « quần thần là « bầy tôi » mà « bầy tôi » nói lại thì chính là thần thổ chủ của Cự Lôn khi xưa.

Không biết con tình nọ của Cự Lôn đến bực nào?

## Cái thủ bò

Năm Ấy — không nhớ một năm nào — về niên hiệu Duy-Tân, trong Bộ Lễ sắc quan lại tỉnh nọ lễ đình (văn miếu) trong tờ sắc lại nói rõ, không biết vô tình hay hữu ý, quan lại vào mệnh bài ở chính miếu và đền Khái thánh phải là khoa mục xuất thân.

Rủi thay, tình ấy ông Tổng đốc lại là người xuất thân lối ngoại tài, thấy ra ông Đốc học đỗ Đình nguyên khoa Tân Sửu và ông án-sát đỗ Cử nhân khoa Tân Mão phải thay mặt hàng tỉnh làm lễ.

Tổ lễ xong, giá cử đi thì không sao. Ngày này nhà nho có dịp trên một vị đồng僚 tay lên mặt, sai ngay từ-tả-ta một cái thủ bò lên hương án, rồi bắt âm nhạc ở trước về đình Đốc học ông Tổng-đốc.

Bế là mình bị rầy, viên này cứ lạng lạng; rồi không hiểu từ đâu, lại hôm sau, học trò đến đình ông Đốc nghe sách thấy thì thấy bèn lén về một bài thơ và mà chúng tôi chỉ nghe hôm được bốn câu:

Nhờ ơn cha mẹ được làm to  
Văn chương chữ nghĩa đốt  
như bò

Thôi thôi thu xếp về đi chớ  
Ơ lại làm chi chúng chửi cho

Nhưng cuối năm Ấy ông án-sát vô cớ bị dìm lên một vị tể tướng ngược, ông Đốc cũng cũng một số phận; và báo oán của « Thủ bò » ngay liền liền!

TIÊN-ĐÀM thuật

## Hiến pháp Ngũ quyền

(Tiếp theo trang 6)

nhân nghĩ với quyền sách vở đã tỏ rằng người Mỹ họ cũng nhận thấy cái chỗ không hoàn toàn của Hiến pháp nước họ mà tình sự bắt buộc, có điều là cái bắt buộc ấy, nào đã đem đến được sự hạn chế cho hiến pháp đâu. Vì thế hạn như điều này: Ở nước Mỹ, có rất nhiều quan lại do dân tuyển cử mà lên. Song u đạ cử là một việc rất phiền tạp mà sự lưu ý cũng nhiều, phần đó mới nghĩ ra một cách hạn chế sự nhân dân tuyển cử, phải người có uy tín mới được có quyền tuyển cử ấy. Song lấy tài sản làm tư cách, thì phải có bao nhiêu tài sản mới được có quyền tuyển cử không có tài sản thì ông được có cái quyền ấy. Còn hạn chế tuyển cử như thế, đối với trào lưu tranh, nạy, trái hẳn với tôn chỉ của đảng Tự do, và sự tuyển cử cũng sẽ có thể tác tệ được. Mà đối với những ông được tuyển cử cũng chẳng có phương pháp gì có thể biết là xứng đáng. Vì thế bắt buộc mà chỉ hạn chế người tuyển cử cũng không phải là phương pháp tốt. Cái phương pháp rất tốt là phải hạn chế ngay người được tuyển cử. Nhân dân bầu tôi, ai cũng có quyền tuyển cử. Đó tức là phổ thông quyền, mà ở là điều nhân dân các nước gần đây vẫn cố sức đòi hỏi lấy được. Song phổ thông tuyển cử là hay thật có điều là phổ thông tuyển cử thế nào mới được chứ? Nếu không có một cái tên là dân mà bị cử làm các vị phổ thông tuyển cử, thì cũng không có nghĩa



điều đó. Ông nhân nghĩ những người ra làm nghị viên hay làm quan lại, tất phải là có tài có đức hay có cái năng cán gì, chứ nếu không, chỉ nhờ vào sự cớ tiền của thì sao cho phải. Do đó mà ở g r g i t đều có cách chọn lựa nhân tài của Tàu đời xưa là cách khảo thí và do đó, ông nghĩ nên đặt ra một cái quyền gọi là quyền khảo thí, Ông cho rằng đặt ra quyền này và thêm với quyền đàn hặc tức là giám sát, cộng với ba quyền nguyên có của hiến pháp nước Mỹ thành ra năm quyền thì sẽ bổ cứu được những chỗ khuyết điểm trong hiến pháp ấy. Hiến pháp ngũ quyền sẽ là một bộ máy rất linh động để đưa nền chính trị một nước lên bậc mỹ mãn hoàn toàn. Sau này trong việc dùng người của quốc gia, phạm lễ sung vào chức công học, đều phải qua sự khảo thí, chứ không thể bừa bừa mà chen chân vào. Trong một bài giảng đến nói về hiến pháp ngũ quyền, Tôn giáo sư có viết một đoạn khá có hứng vị như dưới đây:

« Còn nhớ khi tôi mới đến Quảng-hải, có nhiều người đến xin làm việc, nhưng tôi không biết người nào có tài cán và người nào không có tài cán. Hãy giờ chính phủ chính đương cầu dùng đến người mà không biết không có người dùng. Nguyên nhân ấy chỉ vì cái bệnh không có sự khảo thí, dù có kẻ sĩ kỳ tài sẵn cái tài lãnh hết hay tung lên gởi đi nữa, nhưng ta không có cách gì để mà lựa được, vì thế mà do đó mãi một biết mấy nhân tài, cuối bởi cái cớ không có cách khảo thí. Có một số người không hiểu chính-trị, vậy mà cũng dò ra

làm quan, điếu làm trở chẳng ra sao cả, khiến cho nhân dân phải oán hận. Trước đây mấy hôm trong nhà tôi định tìm người bếp, ban đầu tôi không biết kiếm đâu ra được người ấy, sau tôi bèn đến một tiệm ăn để nhờ người tiệm ấy tìm hộ. Các ngài thử nghĩ tại sao tôi không đến tiệm thợ mộc nhờ tìm mà tôi lại đi nhờ tiệm ăn? Bởi vì tiệm ăn là cái trường học chuyên môn của những người làm bếp, chắc ở đây phải có những người bếp tốt. Ấy ta tìm một người bếp chỉ là việc nhỏ thôi mà còn phải đến cái chỗ chuyên môn mà tìm như thế huống chi là việc lớn của quốc gia ư? Mới biết khảo thí thực là một việc rất khẩn yếu không có khảo thí cũng ta hầu như không còn biết lối nào mà lần. Thí dụ bây giờ nghị hội hàng tỉnh, đến kỳ phải tuyển lấy 80 nghị viên mà có 300 người đủ tư cách ấy thì ta sẽ tuyển ở trong số 300 người ấy. Ở bên Mỹ những dịp tuyển cử, thường hay có lắm chuyện buồn cười. Còn nhớ một lần có hai người tranh cử, một một là bác sĩ tốt nghiệp ở trường Đại-học, và một là phu kéo xe. Đến ngày sắp tuyển cử, hai người cùng đi đến thuyết đề cử động. Vị bác sĩ học vốn cao thâm, đến giảng đều là những thiên-vấn địa-lý, nhưng lời diễn giảng của ông ta, chẳng được người ta hiểu rõ mấy. Người phu xe cũng heo sà lên đàn đến nói. Các ngài không nên cho ông ta là một bác sĩ, ông ta chỉ là anh chàng nghèo sạch mà thôi. Ông ta nhờ sự của cho anh được theo học ở nhà trường, còn tôi không có sự giúp đỡ của anh nên tôi không thể đi học được. Ông ta

nhờ cha anh, còn tôi thì tự nhờ ngay mình, vậy các ngài thử so sánh xem ai là người tài giỏi. Các cử-tri nghe rồi vỗ tay rầm rộ mà nói: cái người bác sĩ đến thuyết không hay, chúng mình nghe chẳng hiểu gì hết, không như người phu xe này nói hợp tình hợp lý lắm. Kết quả rồi người phu xe được trúng tuyển.

Đây các ngài coi, trong hai người ấy một là bác sĩ, một là phu xe, kể về học vấn, cố nhiên bác sĩ hơn người phu xe nhiều, thế mà bác sĩ lại không trúng tuyển, ấy chính vì cái duyên cớ chỉ có tuyển cử mà không có khảo thí cho nên những dịp tuyển cử ở nước Mỹ thường hay có những chuyện buồn cười tức bụng. Nếu có khảo thí thì tất cả chỉ những người có tài có đức mới có thể ra mà đương vào cái chức công-bộ... »

Ấy cái nguyên nhân mà Tôn Trung-sơn nghĩ đặt ra hiến pháp ngũ quyền là như thế trong khi ông còn sống, nước Tàu còn nằm ở bầy hổ, công việc cách mệnh còn bừa bộn, ông còn phải lo về quân sự, chưa lúc nào rồi để kiến thiết chính trị, cho nên ông chưa thực hành được cái hoài bão của mình. Nhưng sau khi ông mất đi, các nhà cách mệnh nối chí của ông, đã đem thực hành cái phương pháp chính trị ấy, cho nên trong chính phủ Tân ngày nay, có đặt ra năm việc là khảo-thí, lập pháp, hành chính, tư pháp và giám sát, chưa biết cái chính trị ngũ quyền đó, thì hành ở Tân ít lâu nay, có được mười phần hương bảo không?

TRÚC-KHÊ



Bụi đời... gió cuốn**Một bản án kỳ dị**

Tòa án Việt-nam của nước Việt-nam độc-lập vừa phạt một người có tội nhờ là ba vạn quan tiền vạ.

Nghe đâu sau khi xử xong, quan tòa cho gọi bốn người tùy phái vào khiêng bản án ấy cất vào tủ, nhưng nặng quá, khiêng không nổi.

Bản báo chủ-nhiệm bao giờ cũng muốn biến độc-giả thân yêu những tin sốt, dẻo và xác-thực với vàng phái tở này đi điều-tra để xem tại sao lại có sự lạ-lùng như thế? Tại sao mấy tờ giấy « ranh con » lại quái ác sinh ra nặng đến như thế?

Kể này đã đến, đã nhin và đã điều-tra rất kỹ-càng

Thì ra sinh yếu tác quái không phải là mấy tờ giấy mỏng dính mỏng dính mà là do cái số... ba vạn quan ở trên những tờ giấy ấy. Khi anh em tùy phái đến khiêng tập hồ sơ để viết vào tủ thì chứng kêu dầm lên, bậm chặt lấy bản nhất định không chịu đi, lấy cớ rằng « ba-ba » sinh ra chúng nay đã « đi tây », chúng xin đi theo để chờ chọn niềm thần tử, sống chết, chúng cũng xin về « nước mẹ », chứ chúng không đành tâm nằm yên trong số tử nước Việt-nam để mang lấy cái tội bất-biến.

\*\*\*

Nhân-viên nhà báo chứng tôi đã làm đầy đủ phận sự thông tin đối với các ngài, bây giờ đến lượt các ngài nên tự hỏi :

— Tại sao quan tòa Việt-nam của nước Việt-nam độc-lập phạt một người Việt-nam lại đi phạt bằng đồng « phở-răng » là thứ tiền-tệ của nước Pháp?

Bốn phép tính không khó, cái khó là biết nghĩ đến sự dùng bốn phép tính ấy cho phải lúc và phải lúc và phải chỗ

CÔ-LY

**SO SÁNH...**

(Tiếp theo trang 2)

Nước Pháp đứng xuống hàng ngũ một nước thứ hai thời đó có được một nhóm quân đội Anh giúp cũng không có thể quay lại giữ chủ quyền ở Việt-nam được!

Tình hình quốc-lẽ bấy giờ hoàn toàn lợi cho ta và hại cho Pháp! Chính-sách thực dân theo lối Anh Pháp-Hồ-lan chắc chắn là sẽ bị hủy. Ở Á đông một kỷ nguyên mới sẽ bắt đầu: các dân tộc giải phóng sẽ cộng tác với nhau và với các cường-quốc trên lập-rường kinh tế và văn-hóa. Nước ta sẽ bắt đầu sống một đời quốc tế.

\*\*\*

Về cuối đời vua Tự-dức, có nhiều người đi: trên 'ôa với Pháp nhượng cho họ Nam-kỳ còn thời giữ vững nền tự-chủ ở Trung-lâm hai kỳ. Nhiều người cũng đã nghĩ là ta không có thể cô-lập được và phải theo như Xâm sống với tất cả các cường-quốc.

Bây giờ, chắc không có ai nghĩ tới sự hòa với Pháp nhượng còn nhiều người nhằm độc-lập với cô-lập.

Sự độc-lập của ta thuộc một phong trào quốc-lẽ thời sau khi độc-lập ta phải thuộc về quốc tế.

Như thế, ta mới có thể duy-tân nước ta được. Mà ta sẽ phải duy-tân.

Độc-lập mà không duy-tân thời vô ích.

Duy-tân trong địa-vị độc-lập cùng với các nước nhỏ và theo gương các nước nhỏ với sự giúp đỡ của họ là bước lên con đường tiến bộ vậy.

NGUYỄN-THIỆT-LIÊN



KỊCH DÀI BẢNG THƠ

# Yêu - Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

86 7

## Lớp III

Yêu Ly. Ngô hạp Lư. Quân sư. Võ tướng

Kẻ lá hũu. Vợ con Yêu Ly

(Con Yêu ly từ trong chạy ra,  
mẹ và kẻ lá theo ra sau)

### Con Yêu Ly

Phụ thân, phụ thân. Người cầm gương sáng  
Ra sau nhà dõi giết mẹ và con

### Vợ Yêu Ly

Phu quân ơi, thiệp chưa thật hoàn hồn!

Sao đến đời giết và con lẫn mẹ,

Chàng dạy rõ như chớp tường mọi lẽ

(Mọi người đứng dậy — phút im lặng)

### Yêu Ly

Hiền thê ơi! lời ta ghen nơi môi,

Chưa nói ra lòng đã xốn xang rồi. . . .

Vì việc lớn muốn thi-hành nhục-kế

Đề Ly qua trá hàng bên Khánh-kỵ

Hôn Ly hàn đem giết cả thê nhi

Và hiền thê ơi! và chặt đứt tay Ly.

Đề họ-Khánh không hiểm nghi dưng-nạp,

Đầy Ngô chưa trải mưa dầm nắng áp

Đến hôm ta truyền nghĩa sự ghê vai

(Vợ Yêu Ly thì Lẽ)

Tự bao giờ nàng đã hiểu chí trai

Tuy ăn-dật vẫn đợi ngày lộ-diện

Hiền-thê hỡi, lòng quyền con ngộ hiểu. . .

Hôm nay thôi đành vĩnh biệt phệ-nhi

(Vợ khác)

Còn trên đời một mình sức Yêu Ly

Sẽ xin găng 'rợn đường đi chẳng thoái

Hồn-thê-từ đầu la xa thế-giới,

Xin theo ta ngoài cõi rất phong sương.

Hiền thê ơi, hôm nay ta lên đường

Đời lữ-thủ một mình ta sống trọn

Nhưng trên khổ đau, hãy còn lẽ khác thiêng liêng.

Nàng cùng ta xưa đã có lời nguyện

Gặp nghĩa-sự sẽ vì nhau sống thác

(Vợ lau nước mắt trấn tĩnh)

Ghen chi nói, lòng ta đau muốn xát...

Bao nhiêu năm nàng sống cạnh hàn-nho,

Ta tử thân nam-nhi, tốn vải học trò. .

Nay gặp chúa như cá kinh gặp nước.

Người phải chết, có kẻ gì sau trước.

Chết anh hùng mới là chết nên ghi,

Ngày nay thôi, vợ Yêu Ly, con Yêu Ly

Vì nghĩa trượng sập về nơi chín suối.

Hiền thê hỡi, nàng nhớ không tự buổi

Tóc xo duyên run rẩy trên gương xa,

Khuong cải quay đánh nhịp suốt canh gà,

Nàng đã thức những đêm tà đổ khóa. .

Ghen hôn Ly, ôi bao nhiêu khổ nạn!

Nay đáp đền ta hiểu vợ thanh gươm

Đề chết đi trong cái chết anh-hung —

(con dâu con)

Và con nhỏ, ôi mấy thanh mắt sáng!

Một nửa đời ta. . . Khi còn trong thảng

Ước mong con sau bốn bề tung-hoành

May chưa lớn khôn, nghĩa-sự đã chung phần:

Cùng phụ-mẫu thác một lần anh-hiệt



Lòng ta lẫn buồn vui khôn nói xiết...  
Hiền-thê ơi, thôi vĩnh-biệt, tiêu nhi ơi!

Vợ Yên Ly.

Ngại thếp buồn chàng lo quá ra-xôi.  
Tuy nữ không am tường việc lớn,  
Nhưng nếu chết cho sự thành công trọn  
Tai sá chi một đời thiếp mong manh!  
Thiếp thác đi, chàng qua đó cũng thành.  
Về chín suối cũng tại lòng một kiếp.

Con Yên Ly.

Ghen chỉ nghe lời cha phân, mẹ tiếp  
Đoán đầu rằng nếu chết sẽ vui cha  
Mến sao đừng gót mẹ phải lìa xa.

(năm ác mẹ)

Vợ Yên Ly.

Không, con sẽ cùng đi thắm với mẹ  
Miền non núi, hoa thơm, chim đẹp-dẽ.

Quân Sư.

Mắt quáng (u hay tai lẻo nghe nhầm?)  
Khóc da nhán lệ ứa khế ngàn cặm,  
Lòng cao-trượng tự nghìn xưa chưa thấy,  
Võ-tướng

Gha dúc khuôn con, chớng nào vợ nấy,  
Máu anh-hùng trong mạch huyết thư-sinh.

Ngô hạp-Lư

Nói dăm câu không giải rõ hết tình,  
Ngô đành chỉ biết làm thỉnh ứa lệ.

Yêu-Ly

Chúa truyền lệnh thi hành ngay kéo trở.

Vợ Yêu Ly

Xin Ngô hầu-chờ bận dạ buồn lo  
Thếp thác đi sẽ năm đời dưới mồ  
Mừng nghiệp-bá của hầu thêm vững chãi

Ngô-hạp-Lư

Nghe lời nói thêm ruột từng khúc tái  
Nhứt lấy chi bày tỏ một đôi phần!  
Sống một ngày còn ghi nhớ thắm-ân

Vợ Yên Ly

Ô Ngô-chúa bận làm chi ngọc thể!  
Thân tiệp-thiếp bỏ vào đầu tá tã

Ngô-hạp-Lư

Vì giang-san xã-tắc của nghìn năm.  
Nên chốc đây vinh-viễn phu nhân năm,  
Nghìn năm sẽ không mờ gương nữ-thiệt

Yên Ly

Tâu Ngô-chúa, đã giờ lâu luyến tiếc  
Xin lệnh truyền cho tả hữu xuống tay

(quay lại vợ con)

Hiền-thê đi, Ly sẽ nhớ muôn ngày,  
Lòng cha sẽ theo con sang cõi ấy.  
Ngày nay từ đi đâu xa vắng vậy.  
Xin Ngô hầu ngài hạ lệnh đi cho

Ngô-hạp-Lư

Thôi tướng quân đem mạng phụ..

Ra bến đò.

Yên-Ly

Cánh guom máu sẽ bày ra muôn mắt  
Lời đồn sẽ bay xa lên hương Bắc,  
Ly đến hàng, khánh ký mới tin cho  
Tướng quân đi Đây là hương bến đò.

(Võ tướng, kẻ tả cùng vợ con chào rồi đi  
Con ngoài lại vậy, Yên Ly cười với con)

Lớp IV

Yên-Ly. Ngô hạp-Lư. Quân Sư. Kê-hữu

Yên-Ly

(Sau khi vợ con đi khuất)

Gòn Ly nữa, tay này xin chặt đứt

Ngô-hạp-Lư

Chặt tay Ly ruột hằn đau mấy khúc!

Yên Ly

Ngô-gia còn đo dợ mãi sao nên!  
Thôi đao quân lời chúa đã ban truyền  
Người hãy khá thi-hành mau thượng lệnh  
(vào cùng Kê-hữu)

Ngô-hạp-Lư

(ngán tại và dặn:)

Quân, cần-thận chớ kéo dài đau đớn  
Guom người đưa là chảy máu răng-thêm  
Đứt tay rồi, người b ỏ thuốc cho nhanh

Kê-hữu

Thưa mạng.

(Kê-hữu cùng Yên Ly vào)

Lớp V

Ngô-hạp-Lư. Quân Sư.

Ngô hạp-Lư

Ngô mở mắt hay-s là xem ảo-ảnh?  
B ố trối trối cho Ngô mau d ệt Khánh,



Và định ninh đường sẽ gặp duyên may,  
 Nhưng cô-gia chưa hề tưởng có ngày  
 Trừ Khánh-ky lại dùng tay, ăn-sĩ.

**Quán-Sư**

Đời lại có con người nuôi nghĩa-kết  
 Trong trần-bình yêu như cây lâu

**Ngô-hạp-Lư**

Ngô xót lòng vì mới gặp nhìn nhau  
 Ly đã trải tim vàng ra giúp chửa  
 Tiếng gương chạ! trở ơi sao gặp quí!

**Lớp VI**

**Yêu Ly**

Yêu Ly theo lẽ từ ra, sắc mặt  
 đỏ xanh, tay chỉ (òn một cách)

**Yêu Ly**

Thuốc êm nhiên, và c'àng đón-đau chỉ.

**Quán-Sư**

Cánh tay ngai, trời bi! Yêu Ly

**Yêu Ly**

Lla thân thể đồ lòng tin Khánh-ky.  
 Giờ không phải để lời ra ủy mị,  
 Xỉn chúa về cho Khánh-dạ Ly sang.  
 Hôm nay Ly tay một cách lên đàng  
 Chầy chóng sẽ có tin về Ngô-chủ

**Ngô-hạp-Lư**

Cầu thiên-địa cho nhiều lành ừ  
 Không cánh cho tình quân-quít theo chân

**Quán-sư**

Nhưng yêu công sang đây, một khi gần

**Yêu Ly**

sẽ làm xong thủ đoạn...  
 Ly có kể đề cầm đăm giáo sáng  
 Suốt qua thân chàng họ Khánh đa nghiệm

**Ngô-hạp-Lư**

Ngô hoang-mang không... sâu gì.

(Còn nữa)  
**LƯU-QUANG-THUẬN**

T.T.T.C.V.H. : Do nghị định số 18 ngày 8 tháng 10 năm 1945 của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ  
 Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng

**TRI-TÂN TẬP-CHÍ**

**RA HÀNG TUẦN**

**MỤC LỤC SỐ 210**

Sơ sánh ảnh hình quốc-lẽ  
 của nước Ta và nước  
 Pháp 1847-1945 **Nguyễn-thiệu-Lân**  
 Kháng chiến **Kiên-Xương**  
 Cuộc hội đàm giữa Hồ chủ  
 tịch với các nhà báo Hoa  
 Mỹ Việt Pháp **Nguyễn-tường-Phượng**  
 Hiến pháp quyền của  
 Tôn-trung-Son **Trúc-Khê**  
 Hạnh thực ca (X) **Nguyễn-văn-Tố**  
 Giấy bạc là huyết mạch **Ngô Công**  
 Việt-nam văn học sử (XXII) **Ung-học**  
 Góp vui **Tiên-Đảm**  
 Bụi đời gió cuốn **Cô-Lý**  
 Kịch Yêu-Ly (VII) **Lưu-quang-Thuận**

**GIÁ BẢO**

Một năm 55 \$ 00  
 Sáu tháng 30 \$ 00  
 Ba tháng 15 \$ 00  
 Một số nhỏ 4 \$ 20

**TÒA BÁO**

95-97 phố Đông-Tân-Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-văn-Thành 51 phố Cầu-Đất-Hải-phòng

Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông-không-Hải-dương

Nhà in Tri-Tân số 95-97 phố Đông Tân Hà-nội